

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 945 /SGDDT-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Về thực hiện báo cáo nhu cầu chính sách đặc thù hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kính gửi:

- Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức và các quận – huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông công lập và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông và các Trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thủ trưởng các Trung tâm GDNN-GDTX Thành phố Thủ Đức và các quận – huyện;
- Thủ trưởng các đơn vị Trung học phổ thông, Trung tâm GDTX trực thuộc Sở ngành khác và các Trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 – 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ II năm học 2021 – 2022;

- Công văn số 4491/UBND –VX ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp tục tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Công văn số 268/UBND-VX ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ sau Tết Nguyên đán 2022;

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện những nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

Thực hiện theo Điều 1 Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND:

- Trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trẻ mầm non, học sinh phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Mức hỗ trợ:

Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021 - 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- Học trực tiếp: áp dụng tại Khoản 2,3,4 Điều 2 Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND.

- Học trực tuyến (online): áp dụng tại Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND “*Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (online) bằng 50% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành.*”

3. Thời gian hỗ trợ:

Thực hiện theo các công văn hướng dẫn về thời gian đi học lại như sau:

- Công văn số 249/SGDĐT-GDTH ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về một số hướng dẫn tổ chức dạy học cấp tiểu học khi học sinh trở lại trường học năm học 2021 – 2022;

- Công văn số 259/SGDĐT-GDMN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện một số nội dung khi trẻ đi học trở lại;

- Công văn số 280/SGDĐT-GDTrH ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đi học trực tiếp từ sau Tết Nguyên đán 2022.

Các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học trực tiếp cho học sinh các khối 7, 8, 9, 10, 11, 12 (riêng xã Thạnh An, Cần Giờ: học sinh từ lớp 1 đến lớp 12) từ ngày 04 tháng 01 năm 2022: thời gian áp dụng không quá 5 tháng.

Các cơ sở giáo dục tổ chức dạy học trực tiếp cho trẻ em thuộc khối giáo dục mầm non và học sinh lớp 6 từ ngày 07 tháng 02 năm 2022: thời gian áp dụng không quá 4 tháng đối với học trực tiếp và 1 tháng đối với học trực tuyến (online).

Riêng đối với khối giáo dục tiểu học không hỗ trợ vì không thu học phí.

4. Báo cáo nhu cầu hỗ trợ học phí:

Để có cơ sở tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ nêu trên báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất bổ sung dự toán, đề nghị các đơn vị tổng hợp nhu cầu kinh phí phát sinh trong năm 2022 (theo mẫu đính kèm) (đặt tên file mềm theo cách thức: "TÊN ĐƠN VỊ_HT HP HKII NH 21-22") gửi về Phòng Kế hoạch Tài Chính - Cô Thanh Nhân (Số ĐT: 0908.323.577 – kehoachtaichinh@hcm.edu.vn) hạn chót **trước ngày 15 tháng 04 năm 2022**.

Để việc trao đổi, cập nhật thông tin được nhanh chóng, kịp thời đề nghị các đơn vị cung cấp đầy đủ điện thoại liên lạc người lập bảng và thủ trưởng đơn vị. Sau thời gian nêu trên các đơn vị không phản hồi xem như không có nhu cầu hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2021 – 2022. Cụ thể như sau:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai tổng hợp nhu cầu hỗ trợ học phí của các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (*bậc học từ mẫu giáo đến bậc học trung học cơ sở*) trên địa bàn gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân bổ. Thực hiện theo **Mẫu báo cáo số 1**.

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở: Rà soát số học sinh tham gia học tập thực tế và lập báo cáo theo **Mẫu báo cáo số 2**.

- Đối với các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên Thành phố Thủ Đức và các quận - huyện: Rà soát số học sinh tham gia học tập thực tế và lập báo cáo theo **Mẫu báo cáo số 3**.

- Đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập có bậc học trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không bao gồm các trường có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ sở giáo dục trực thuộc các Sở ngành khác, các Trường Đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh quản lý: Rà soát số học sinh tham gia học tập thực tế và lập báo cáo theo **Mẫu báo cáo số 4**.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chính xác về số học sinh, thời gian đi học theo từng cấp lớp và quan tâm thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị phản hồi về Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn cụ thể.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc “để báo cáo”;
- UBND Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện “để phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện”
- Sở Tài Chính, Sở LĐTĐ “để phối hợp”;
- Lưu: VP, KHTC (Nh).

2

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hoài Nam

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ TRƯỜNG CÔNG LẬP NHÓM 1, 2 HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số học sinh	Nhóm 1												Nhóm 2					Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
			Học trực tiếp			Học trực tuyến (online)			Tổng tiền hỗ trợ Nhóm 1	Học trực tiếp			Học trực tuyến (online)		Tổng tiền hỗ trợ Nhóm 2						
			Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ		Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số học sinh	Số tháng thực tế		Mức hỗ trợ					
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)			
	TỔNG CỘNG	0	0			0			0	0			0			0		0			
I	KHOI MẦM NON	0	0						0							0		0			
A	NHÀ TRẺ	0	0	0	200				0			120				0		0			
1	Tên đơn vị	0			200				0			120				0		0			
2	Tên đơn vị	0			200				0			120				0		0			
B	MẪU GIÁO	0	0		160				0			100				0		0			
1	Tên đơn vị	0			160				0			100				0		0			
2	Tên đơn vị	0			160				0			100				0		0			
II	KHOI THCS	0	0		60	0			0	0		30	0		15	0		0			
1	Tên đơn vị	0			60				0			30			15	0		0			
2	Tên đơn vị	0			60				0			30			15	0		0			

Người lập bảng

Ngày tháng năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:
Số điện thoại:

Ghi chú:

- Tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Một đơn vị có thể có nhiều dòng trong trường hợp đơn vị phát sinh nhiều tháng khác nhau.
- Ví dụ: Trường THCS ABC: tổng số học sinh : 1600

TÊN ĐƠN VỊ	Số học sinh	Số tháng thực tế
Trường THCS ABC	1500	5
Trường THCS ABC	100	4

- Đơn vị nộp lên Phòng Kế hoạch Tài chính: Bảng giấy (Mẫu 1a) + file excel (Mẫu 1a và Mẫu học sinh của tất cả các trường trong Mẫu 1a)

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
TRƯỜNG CÔNG LẬP TRỰC THUỘC QUẬN - HUYỆN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022
theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

Mầm non	THCS

- Tổng số học sinh thực tế HK II NH 21-22:

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Học trực tiếp		Học trực tuyến		Số tiền	Ghi chú
			Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG						0	
I	KHỐI MẦM NON						0	
A	NHÀ TRẺ						0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
B	MẪU GIÁO						0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
II	KHỐI THCS			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
III	TRUNG TÂM			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	

Ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Điền đầy đủ thông tin lớp của học sinh, họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trường hợp số tháng học ≤ 4 ghi rõ chuyển đến hay chuyển đi
- Đơn vị chèn thêm dòng (thêm học sinh) từng cấp học tại vị trí dòng giữa STT 1 và 2

**BÁO CÁO THỰC HIỆN HỒ TRỢ HỌC PHÍ TRƯỜNG NGOÀI CÔNG LẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng số học sinh	Nhóm 1										Nhóm 2					Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
			Học trực tiếp			Học trực tuyến (online)			Tổng tiền hỗ trợ Nhóm 1	Học trực tiếp			Học trực tuyến (online)		Tổng tiền hỗ trợ Nhóm 2				
			Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ		Số học sinh	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số học sinh	Số tháng thực tế		Mức hỗ trợ			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
I	KHOI MẦM NON	0	0			0			0				0			0	0		
A	NHÀ TRẺ	0	0	0	200				0			120				0	0		
1	Tên đơn vị	0			200				0			120				0	0		
2	Tên đơn vị	0			200				0			120				0	0		
B	MẪU GIÁO	0	0		160				0			100				0	0		
1	Tên đơn vị	0			160				0			100				0	0		
2	Tên đơn vị	0			160				0			100				0	0		
II	KHOI THCS	0	0		60	0		30	0	0		30	0		15	0	0		
1	Tên đơn vị	0			60			30	0			30			15	0	0		
2	Tên đơn vị	0			60			30	0			30			15	0	0		

Người lập bảng

Ngày tháng năm 2022
Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:
Số điện thoại:

Ghi chú:

- Tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
 - Một đơn vị có thể có nhiều dòng trong trường hợp đơn vị phát sinh nhiều tháng khác nhau.
- Ví dụ: Trường THCS ABC: tổng số học sinh : 1600

TÊN ĐƠN VỊ	Số học sinh	Số tháng thực tế
Trường THCS ABC	1500	5
Trường THCS ABC	100	4

- Đơn vị nộp lên Phòng Kế hoạch Tài chính: Bảng giấy (Mẫu 1c) + file excel (Mẫu 1c và Mẫu học sinh của tất cả các trường trong Mẫu 1c)

**BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
TRƯỜNG NGOÀI CÔNG LẬP TRỰC THUỘC QUẬN-HUYỆN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

- Tổng số học sinh thực tế HK II NH 21-22:

Mầm non	THCS

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Học trực tiếp		Học trực tuyến		Số tiền	Ghi chú
			Số tháng học thực tế	Mức hỗ trợ	Số tháng học thực tế	Mức hỗ trợ		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG						0	
I	KHỐI MẦM NON						0	
A	NHÀ TRẺ			0			0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
B	MẪU GIÁO			0			0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
II	KHỐI THCS			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	

Ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Điền đầy đủ thông tin lớp của học sinh, họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trường hợp số tháng học ≤ 4 ghi rõ chuyển đến hay chuyển đi
- Đơn vị chèn thêm dòng (thêm học sinh) từng cấp học tại vị trí dòng giữa STT 1 và 2

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
TRƯỜNG CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

- Tổng số học sinh thực tế HK II NH 21-22:

THCS	THPT	Trung tâm

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Học trực tiếp		Học trực tuyến		Số tiền	Ghi chú
			Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG						0	
I	KHỎI THCS		0	0	0	0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
II	KHỎI THPT		0	0	0	0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
III	TRUNG TÂM		0	0	0	0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	

Người lập bảng

Ngày tháng năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Điền đầy đủ thông tin lớp của học sinh, họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Trường hợp số tháng học ≤ 4 ghi rõ chuyển đến hay chuyển đi
- Đơn vị chèn thêm dòng (thêm học sinh) từng cấp học tại vị trí dòng giữa STT 1 và 2

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

- Tổng số học sinh thực tế HK II NH 21-22:

THCS	THPT

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Học trực tiếp		Học trực tuyến		Số tiền	Ghi chú
			Số tháng học thực tế	Mức hỗ trợ	Số tháng học thực tế	Mức hỗ trợ		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG						0	
I	KHỐI THCS			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
II	KHỐI THPT			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	

Ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Điền đầy đủ thông tin lớp của học sinh, họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trường hợp số tháng học ≤ 4 ghi rõ chuyển đến hay chuyển đi
- Đơn vị chèn thêm dòng (thêm học sinh) từng cấp học tại vị trí dòng giữa STT 1 và 2

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022
theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021

- Tổng số học sinh thực tế HK II NH 21-22:

Mầm non	THCS	THPT

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Học trực tiếp		Học trực tuyến		Số tiền	Ghi chú
			Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ	Số tháng thực tế	Mức hỗ trợ		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG						0	
I	KHỐI MẦM NON						0	
A	NHÀ TRẺ						0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
B	MẪU GIÁO						0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
II	KHỐI THCS			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	
III	KHỐI THPT			0		0	0	
1	Tên học sinh						0	
2	Tên học sinh						0	

Ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- tổng số tháng đi học thực tế: không quá 5 tháng
- Điền đầy đủ thông tin lớp của học sinh, họ tên và số điện thoại người lập bảng.
- Trường hợp số tháng học ≤ 4 ghi rõ chuyển đến hay chuyển đi
- Đơn vị chèn thêm dòng (thêm học sinh) từng cấp học tại vị trí dòng giữa STT 1 và 2